

Bản án số: **116/2020/HSST**
Ngày 31 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch H1, là cán bộ hưu trí

Bà Dư Thị Út, là cán bộ hưu trí

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 123/2020/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/QĐXXST-HS ngày 04/12/2020 đối với:

Bị cáo **Trịnh Thanh Ph**; Sinh năm: 1982 tại: K; nơi cư trú: ấp Chín Ghi, xã Ngọc Hòa, huyện G, tỉnh K; nghề ngH: giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Minh Q, sinh năm: 1940 và bà Trần Kim E, sinh năm: 1955; có vợ là Lê Kim Ng (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt từ ngày 06/02/2020 đến nay (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Thanh Ph: Ông Phan Đăng H – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV An Khang (AK Lawfirm), Đoàn Luật sư thành phố C. Địa chỉ: Số 175, Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận N, thành phố C (có mặt).

* Những người bị hại:

1/ Chị Phạm Băng S, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 4/63, khóm 5, phường 2, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 66 Võ Thị Sáu, phường 8, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

3/ Ông Đặng Đức H1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 144, Võ Thị Sáu, khóm 2, phường 8, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

4/ Chị Phan Thị Anh Th, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 148/6, khóm 6, phường 3, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

5/ Bà Huỳnh Thị Anh Th2, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 144, khóm 2, phường 8, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

6/ Chị Nguyễn Thùy Tr, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 51/53, Cách mạng, khóm 9, phường 1, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

7/ Bà Trần Kiều Ph1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 74/370, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

8/ Bà Triệu Thị B1, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 156/10, khóm 1, phường 5, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

9/ Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 21, đường N5, khóm 1, phường 1, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

10/ Ông Quách Phước L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 162B, khóm Trà Khứa, phường 8, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

11/ Chị Từ Thị Thu Th1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 04, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

12/ Ông Nguyễn Thanh Ph1, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 082, Võ Thị Sáu, khóm 8, phường 3, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

13/ Bà Quách Thị Ngọc Tr, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 159, Nguyễn Văn Linh, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

14/ Bà Huỳnh Thị D1, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 41, Trần Đại Nghĩa, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh B (vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Mai H1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 20, đường GS12, khu phố Tây A, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình D1 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8 năm 2017 đến tháng 01 năm 2018 trên địa bàn thành phố B, tỉnh B. Trịnh Thanh Ph là giáo viên của Trung tâm đào tạo dạy nghề lái xe đường bộ số 10, tỉnh H nhận 14 hồ sơ của học viên đăng ký học để thi cấp bằng lái xe hạng B2. Ph thu học phí của 14 học viên với tổng số tiền 94.750.000 đồng nhưng không thông báo và không đăng nộp về Trung tâm đào tạo dạy nghề lái xe đường bộ số 10, tỉnh H để làm thủ tục cho các học viên thi lấy bằng lái xe mà sử dụng số tiền này vào mục đích chi xài cá nhân cho đến khi mất khả năng chi trả thì Ph bỏ trốn.

Tại bản Cáo trạng số 97/CT-VKSTPBL ngày 18/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Trịnh Thanh Ph về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt*

tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trịnh Thanh Ph phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 140; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Trịnh Thanh Ph mức án tù bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam đến 12 tháng tù. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Thanh Ph đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa, đồng thời đề nghị xem xét thêm cho bị cáo hai tình tiết về việc mẹ bị cáo là vợ liệt sĩ để cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và việc bị cáo đang phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một đứa con bị khuyết tật để cho bị cáo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng, lao động nuôi dưỡng con của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Trịnh Thanh Ph tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, thể hiện bản thân bị cáo trong thời gian là giáo viên hợp đồng của Trung tâm đào tạo dạy nghề lái xe đường bộ số 10, tỉnh H (gọi tắt là Trung tâm), bị cáo đã nhận hồ sơ của những người có nhu cầu học lái xe thi cấp bằng hạng B2 và bị cáo đã tự thỏa thuận thu học phí của các học viên này. Cụ thể vào khoảng tháng 8 năm 2017 đến tháng 01 năm 2018 trên địa bàn thành phố B, tỉnh B, bị cáo đã nhận 14 hồ sơ của học viên đăng ký học để thi cấp bằng lái xe hạng B2, nhận tiền và tổ chức dạy thực hành lái xe cho 14 học viên tại thành phố B gồm: Phạm Băng S, Nguyễn Hữu D, Đặng Đức H1, Phan Thị Anh Th, Huỳnh Thị Anh Th2, Nguyễn Thùy Tr, Trần Kiều Ph1, Triệu Thị B1, Nguyễn Thị Ng, Quách Phước L, Từ Thị Thu Th1, Nguyễn Thanh Ph1, Quách Thị Ngọc Tr, Huỳnh Thị D1.

[2] Về nội dung thỏa thuận giữa bị cáo với các học viên gồm: bị cáo sẽ làm hồ sơ cho các học viên đi thi, thời gian học là ba tháng rưỡi, học phí mỗi học viên là 7.000.000 đồng, chia làm hai lần thu, mỗi lần 3.500.000 đồng; tuy nhiên, một số người quen biết thì Ph thu ít hơn từ 50.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

[3] Về việc thực hiện thỏa thuận với các học viên: vào khoảng cuối tháng 8 năm 2017, Ph thu tiền lần thứ nhất của 14 học viên nêu trên với tổng số tiền là 47.350.000 đồng. Sau khi thu tiền, Ph không thông báo, không đăng nộp hồ sơ, học phí về Trung tâm mà sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân và sử dụng một phần làm chi phí cho việc giảng dạy thực hành lái xe cho các học viên này. Việc đăng nộp hồ sơ và học phí về

cho Trung tâm, Ph dự tính thu tiền lần 2 sẽ nộp. Tuy nhiên đến khoảng cuối tháng 9 năm 2017, Ph thu học phí lần thứ 2 của 14 học viên này với tổng số tiền 47.400.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã thu của 14 học viên là 94.750.000 đồng. Cụ thể bị cáo đã thu của Phạm Băng S 6.800.000 đồng, Nguyễn Hữu D 5.000.000 đồng, Đặng Đức H1 7.000.000 đồng, Phan Thị Anh Th 7.000.000 đồng, Huỳnh Thị Anh Th2 7.000.000 đồng, Nguyễn Thùy Tr 7.000.000 đồng, Trần Kiều Ph1 7.000.000 đồng, Triệu Thị B1 7.000.000 đồng, Nguyễn Thị Ng 6.950.000 đồng, Quách Phước L 7.000.000 đồng, Từ Thị Thu Th1 6.000.000 đồng, Nguyễn Thanh Ph1 7.000.000 đồng, Quách Thị Ngọc Tr 7.000.000 đồng và Huỳnh Thị D1 7.000.000 đồng. Tuy nhiên, Ph không đăng nộp học phí cho Trung tâm nên việc Ph nhận hồ sơ, thu học phí và dạy lái xe cho 14 học viên, Trung tâm đào tạo dạy nghề lái xe đường bộ số 10, tỉnh H hoàn toàn không hay biết. Số tiền thu học phí lần 2, Ph tiếp tục sử dụng vào mục đích chi xài cá nhân cho đến khi không còn tiền nữa thì Ph bỏ trốn và bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan điều tra. Tuy nhiên, trên thực tế, bị cáo có tổ chức dạy thực hành lái xe và hướng dẫn về lý thuyết cho 14 học viên này.

[4] Theo đại diện Trung tâm đào tạo dạy nghề lái xe đường bộ số 10, tỉnh H xác định là bị cáo có quyền thỏa thuận với các học viên về việc nhận dạy lái xe như trên; tuy nhiên, sau khi thỏa thuận thì bị cáo lại không thực hiện đúng thỏa thuận về việc đăng ký dự thi và đăng nộp tiền của các học viên về Trung tâm mà bị cáo đã sử dụng chi xài hết, sau đó bỏ trốn và bị bắt truy nã. Bị cáo thực hiện hành vi trong trạng thái đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với lỗi cố ý trực tiếp nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Quá trình điều tra và truy tố, những người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập đúng trình tự, thủ tục luật định. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của những người bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng hình phạt cho các bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mang tính phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo đã nhờ gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả theo yêu cầu của người bị hại, đồng thời người bị hại đã có yêu cầu bãi nại đối với bị cáo và việc bị cáo có cha là người có

công với cách mạng để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo về việc đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là không có căn cứ chấp nhận do bị cáo là con thương binh, không phải con liệt sĩ; đối với ý kiến của người bào chữa về việc cho bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng, phù hợp với quan điểm đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa. Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, thuộc diện gia đình có truyền thống cách mạng, thời hạn tạm giữ, tạm giam đã qua đã đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mang tính phòng ngừa chung trong xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của kiểm sát viên và luật sư tại phiên tòa về việc áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam.

[8] Về vật chứng trong vụ án: không có.

[9] *Về trách nhiệm dân sự*: chị Nguyễn Thị Mai H1 đã đại diện cho gia đình bị cáo thực hiện việc bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại. Cụ thể, gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho những người bị hại gồm: Phạm Băng S 3.400.000 đồng, Nguyễn Hữu D 2.500.000 đồng, Đặng Đức H1 3.500.000 đồng, Phan Thị Anh Th 3.500.000 đồng, Huỳnh Thị Anh Th2 3.500.000 đồng, Nguyễn Thùy Tr 4.500.000 đồng, Trần Kiều Ph1 3.500.000 đồng, Triệu Thị B1 5.000.000 đồng, Nguyễn Thị Ng 3.500.000 đồng, Quách Phước L 3.500.000 đồng, Từ Thị Thu Th1 3.500.000 đồng, Nguyễn Thanh Ph1 3.500.000 đồng, Quách Thị Ngọc Tr 5.000.000 đồng, Huỳnh Thị D1 3.500.000 đồng. Tổng số tiền đã khắc phục hậu quả cho những người bị hại là 51.900.000 đồng, những người bị hại đã nhận lại tiền bồi thường và không đặt ra yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự.

[10] *Về án phí*: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 200.000 đồng.

[11] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B về tội danh, hình phạt và các nội dung khác đối với bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] *Về quyền kháng cáo*: các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

[13] Ngoài ra, đối với 08 học viên tại thị xã G có thông qua anh Trần Thanh Ph1 để đăng ký và nộp tiền học lái xe với bị cáo, sau khi nghỉ dạy lái xe, gia đình bị cáo đã thỏa thuận trả lại tiền cho những người này thông qua anh Ph1, mặt khác cả bị cáo và anh Ph1 không nhớ rõ thông tin của những người này nên không có căn cứ để xử lý đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trịnh Thanh Ph** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 140; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo **Trịnh Thanh Ph 11 (mười một) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ Điều 299 và Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trả tự do cho bị cáo Trịnh Thanh Ph tại phiên tòa.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Trịnh Thanh Ph phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Chi cục Th hành án dân sự Tp. B;
- Bị cáo; Người bị hại; Người liên quan;
- Người bào chữa
- Lưu.

Trần Bích Ngọc